TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2019/DS-PT.
Ngày: 18/3/2019.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay và góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thuý.
Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương;
Ông Huỳnh Ngọc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 45/2019/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay và góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 45A/2019/QĐPT-DS ngày 28 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1969, địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; (có mặt)

2/ Bị đơn: Ông Vi Hoàng O, sinh năm 1984, địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; (có mặt)

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Trúc L, sinh năm 1986, địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bà L ủy quyền cho bị đơn – ông Vi Hoàng O

Người kháng cáo: Ông Vi Hoàng O.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Huỳnh Thị C trình bày:

Bà và ông Vi Hoàng O trước đây có quen biết nhau nên bà có cho ông O vay tiền rất nhiều lần, vay rồi trả, trả xong thì vay lại. Cứ như vậy cho đến khi ông O vay lần cuối số tiền là 47.000.000đ, năm nào thì không nhớ, chỉ nhớ là ngày 25/9

vì khi vay nói vay tạm vài tháng như các lần trước nên trong sổ chỉ có ghi ngày tháng không có ghi năm. Đồng thời ông O cũng có tham gian chơi hụi do bà làm chủ hụi, ông O cũng chơi hụi, hốt hụi, rồi đóng hụi chết. Cho đến dây cuối ông O hốt với số tiền là 51.000.000đ. Sau khi hốt hụi thì suốt thời gian dài ông O không có đóng hụi chết và cũng không có đóng lãi tiền vay nên bà có đòi ông O. Lúc này, bà và ông O có cộng gộp lại tiền nợ hụi và nợ vay để biết tổng số tiền còn nợ. Lúc đó cộng như sau: 51.000.0000đ tiền nợ hụi cộng với tiền lãi theo thỏa thuận mỗi tháng lãi là 750.000đ x 25 tháng cộng thành tiền lãi là 18.750.000đ,với tiền vay 47.000.000đ cộng tiền lãi của vay là 8.250.000đ, lãi 5 tháng theo lãi suất là 5% tháng nhưng bà chỉ tính là 8.250.000đ, tổng cộng là 125.000.000đ, không có biên nhận tổng kết 125.000.000đ chỉ hai bên cộng với nhau để biết để trả nợ cho dễ nhưng bà có ghi trong sổ của ông O là hốt hụi đóng 25 tháng mỗi tháng trả 5.000.000đ là 125.000.000đ. Sau đó ông O trả lần hồi cho bà 5 lần được 18,5 triệu gồm các lần trả như sau: ngày 10/2/2015 trả 5 triệu, 20/3/2015 trả 5 triệu, 25/4/2015 trả 5 triệu, 25/8/ 2015 trả 2,5 triệu, ngày 10/3 trả 1.000.000đ. Sau đó thì không có trả. Đến năm 2017 thấy lâu mà ông O không trả nên bà có kêu ông O vô nhà bà để tính toán lại thì số nợ ông O còn nợ bà là 106.500.000đ bà cho ông O trả dần mỗi tháng 2.000.000đ không tính lãi. Ông O đồng ý và viết biên nhận cho bà là vào ngày 21/3/2017 với số tiền nợ là 106.500.000đ. Khi đó do nghỉ chỉ cần biên nhận nợ do chính ông O viết ký tên để làm tin là đủ nên khi ông O viết tên Q bà nghỉ là tên khác hay tên khai sinh của ông O, nên bà không có kêu ông O viết lại với tên O. Đến ngày 20/10/2017 ông O trả cho bà 1.000.000đ đồng thì không trả nửa, bà đến đòi thì vợ chồng không chịu trả mà thách bà thưa kiện. Do vậy bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông O bà L trả cho bà số tiền 105.500.000đ. Nay bà chỉ yêu cầu trả tiền vốn vay và vốn hụi là 98.000.000đ, trừ tiền trả dần được 19.500.000đ còn là 78.500.000đ và tính lãi từ ngày 21/3/2017 đến nay theo quy định của pháp luật. Không yêu cầu tính lãi trong giai đoạn chậm thi hành án và cho vợ chồng ông O thời gian 3 tháng phải tiền cho bà.

Bị đơn Vi Hoàng O trình bày:

Ông O thừa nhận là trước đây ông có chơi hụi do bà C làm chủ hụi, đã tham gia chơi nhiều dây hụi trong thời gian dài khoản 3 năm và cũng có hỏi vay tiền của bà C nhiều lần để làm ăn. Phần tiền vay, lãi suất là 1.000.000đ tháng đóng 50.000đ. Khi tiền vay đến hạn không có tiền trả thì ông tham gia chơi hụi với bà C để hốt hụi, lấy tiền hốt hụi đó trừ nợ vay còn nhiêu thì bà C giao tiền hụi, ông đóng tiền hụi chết cho bà hàng tháng. Cứ như vậy, ông tham gia chơi hụi để hốt hụi trả tiền vay nên cuối cùng ông không có nợ tiền vay mà chỉ còn nợ tiền hụi là 47.000.000đ, do làm ăn không được nên không có đóng hụi hàng tháng cho bà C. Một thời gian sau, thì bà C quy hụi 47.000.000đ thành tiền vay. Thời điểm quy đổi tiền hụi thành tiền vay khi nào thì ông không nhớ, vì sổ sách giấy tờ bà C ghi nên ông không biết. Sau khi quy đổi tiền hụi thành tiền vay và tính lãi thì thời gian sau nầy ông đã trả lần hồi cho bà C rất nhiều lần, một lần ông vay tiền nhà nước về trả cho bà C 18.000.000đ, một lần trả 29.000.000đ. Hai lần đã trả hết số nợ 47.000.000đ. Hai lần trả nầy thì ông không có giấy tờ vì bà C không có ghi nhận tiền cho ông. Sau đó, bà C lật ngược nói ông chưa trả tiền, do không có giấy tờ trả nợ, cộng với việc bà C ra nhà quậy la chưởi gia đình ông, sợ ảnh hưởng gia đình nên ông đồng ý chấp nhận vẫn còn nợ tiền bà C là 47.000.000đ, lúc nầy bà C tính

lãi 47.000.000đ lãi 01 tháng là 3.120.000đ x 25 tháng thành tiền là 125.000.000đ, cho trả dần mỗi tháng 5.000.000đ như là hốt chân hụi, đóng 25 tháng mỗi tháng đóng 5.000.000đ. Sau khi thống nhất như vậy thì ông có trả dần cho bà C được 5 lần là 18.500.000đ, bà C có ghi vào sổ tay của ông, gồm các lần trả như sau: ngày 10/2/2015 trả 5 triệu, 20/3/2015 trả 5 triệu, 25/4/2015 trả 5 triệu, 25/8/ 2015 trả 2,5 triệu, ngày 10/3 trả 1.000.000đ. Sau đó không có tiền trả nửa, bà C lại ra nhà quậy tiếp và kêu viết biên nhận giảm cho ông trả 5 .000.000đ xuống còn 2.000.000đ tháng, không tính lãi nên ông đồng ý và viết biên nhận nợ hứa tháng trả 2.000.000đ. Đến ngày 20/10/2017 thì có trả được 1.000.000đ. Nay ông yêu cầu Tòa xem xét cho ông trả vốn 47.000.000đ, còn 78.000.000đ là tiền lãi của 47.000.000đ nên ông yêu cầu xem xét lại.

Đối với biên nhận nợ ngày 21/3/2017 là bà C kêu ông viết giấy nợ dùm cho bà. Do có nợ bà nên khi bà kêu viết dùm thì ông viết. Trong giấy nợ ngày 21/3/2017 là của ông Q mượn nợ bà C, chứ không phải là ông mượn.

Số tiền vay và chơi hụi với bà C thì ông sử dụng trong việc trả nợ của gia đình và trả tiền vật liệu tư sửa nhà, làm chuồng trại chăn nuôi. Việc chơi hụi và vay tiền bà C là chỉ có một mình ông đứng ra giao dịch, nên không có liên quan đến vợ ông.

Sau khi hoà giải không thành, Toà án nhân dân huyện Ba Tri đã đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 72/2018/DS-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Áp dụng Điều 471, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị C. Buộc ông Vi Hoàng O và bà Trần Thị Trúc L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị C số tiền là 90.929.167đ (chín mươi triệu chín trăm hai mươi chín ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng), (trong đó tiền vốn 78.500.000 đồng vốn và tiền lãi 12.429.167 đồng).

Ghi nhận bà Huỳnh Thị C tự nguyện cho vợ chồng ông Vi Hoàng O – bà Trần Thị Trúc L thời gian 03 tháng trả nợ là vào ngày 25/01/2019 ông Vi Hoàng O – bà Trần Thị Trúc L phải trả số tiền 90.929.167đ (chín mươi triệu chín trăm hai mươi chín ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng) cho nguyên đơn Huỳnh Thị C. Ghi nhận nguyên đơn Huỳnh Thị C không yêu cầu tính lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/11/2018, ông Vi Hoàng O là bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông O vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông O kháng cáo không đồng ý với nội dung án sơ thẩm tuyên vì ông cho rằng đã trả hết số tiền nợ là 47.000.000 đồng cho bà C nhưng bà C không bỏ giấy nợ. Bà C dựa vào giấy nợ trên, nhiều lần chửi bới ông nên ông mới chấp nhận còn nợ 47.000.000 đồng. Bà C tính lãi mỗi tháng là 3.120.000 đồng x 25 tháng và buộc ông viết giấy nhận là hốt hụi 125.000.000 đồng đóng 25 tháng, mỗi tháng 5.000.000 đồng. Do đó, ông đề nghị Toà án xem xét sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn – bà Huỳnh Thị C đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông O. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2018/DS-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, bác kháng cáo của ông Vi Hoàng O, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2018/DS-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của ông Vi Hoàng O và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Qua xem xét tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tại quyển sổ tay ghi quá trình chơi hụi và vay tiền giữa bà C và ông O. Cụ thể, tại bút lục số 31 trong phần ghi hụi thì có dây hụi cuối của sổ tay đã thể hiện ông O hốt hụi với số tiền là 51.000.000 đồng và cũng tại quyển sổ trên tại bút lục số 33 có ghi tiền mượn lời là 47.000.000đ vào ngày 25/9, phía dưới là ngày 25/02. Như vậy có 2 khoản nợ là nợ hụi 51.000.000 đ và khoản nợ vay 47.000.000đ. Sau đó, hai bên tổng kết nợ gồm tiền nợ hụi 51.000.000đ và tiền nợ vay 47.000.000đ và tiền lãi của khoản vay là 8.250.000đ và tiền lãi khoản hụi là 18.750.000đ, tổng cộng là 125.000.000đ nên tại bút lục số 32 của quyển sổ tay có ghi hốt hụi đóng 25 tháng mỗi tháng 5 triệu là 125.000.000đ. Sau đó bị đơn trả dần 5 lần là 18.500.000đ được ghi tai bút lục số 32 của quyển sổ tay. Còn nợ lại là 106.500.000đ nên đến ngày 21/3/2017 ông O đã viết giấy nợ cho bà C và đến ngày 20/10 ông O trả cho bà C 1.000.000đ tại bút lục số 13. Từ đó xét thấy lời trình bày của nguyên đơn Huỳnh Thị C về việc ông O còn nợ bà số tiền 105.500.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sợ vụ án. Tuy nhiên, tại phiên toà, bà C chỉ yêu cầu ông O trả lại số tiền vốn là 98.000.000 đồng, trừ đi 19.500.000 đồng mà bị đơn đã trả cho bà C thì tổng số tiền mà ông O còn nợ là 78.500.000 đồng và tính lãi từ ngày 21/3/2017 đến nay theo quy định của pháp luật.

[2] Tại kết luận giám định số 3049 ngày 14/9/2018 của của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận chữ viết có nội dung và kết thúc: "Anh q có mượng của ….Qui Văn Q" ký hiệu A) so với chữ viết mang tên Vi Hoàng O trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người viết ra. Chữ ký có dạng chữ viết "Q" trên chữ viết họ tên " Qui Văn Q" trên tài liệu ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết mang tên Vi Hoàng O trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người viết ra. Như vậy từ kết luận gia định trên thì giấy biên nhận nợ ngày 21/3/2017 là chính bị đơn Vi Hoàng O viết biên nhận và ký tên. Ông O cho rằng bà C nhờ ông viết giấy nợ và ký tên dùm, chứ ông không còn nợ nhưng ông O không cung cấp được tài liệu gì chứng minh cho việc đã trả hết nợ cho bà C.

[3] Ngoài ra cuối biên nhận nợ ngày 21/3/2017 bị đơn hứa mỗi tháng trả 2 triệu đồng và vào ngày 20/10 ông O còn viết số tiền trả là 1.000.000đ cho bà C. Từ đó, xét thấy bị đơn cho rằng không còn nợ bà C và viết giấy nợ dùm cho bà C là hoàn toàn không có căn cứ.

[5] Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 463, 466, 468,471 của Bộ luật dân sự năm 2015. Cụ thể số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 78.500.000 đồng vốn và tiền lãi (78.500.000 đồng x (10% : 12) x 19 tháng = 12.429.167 đồng . Tổng cộng là 90.929.167 đồng.

[6] Đối với yêu cầu nghĩa vụ liên đới trả nợ cho nguyên đơn, bị đơn cho rằng số nợ này không liên quan đến bà L vợ ông nên vợ ông không có trách nhiệm trả nợ. Xét thấy, bà L không có trực tiếp giao kết hợp đồng vay và hụi nhưng số nợ trên phát sinh trong thời gian chung sống của vợ chồng ông bà, số tiền này được sử dụng vào việc trang trải nợ của vợ chồng và tu sửa nhà cửa gia đình. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà L có nghĩa vụ liên đới cùng ông O trả cho nguyên đơn 78.500.000 đồng còn nợ và tiền lãi là phù hợp với Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

[7] Ông Vi Hoàng O kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông O, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 72/2018/DSST ngày 25/10/2018 của TAND huyện Ba Tri.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông O phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Vi Hoàng O.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 72/2018/DS-ST ngày 25/10/2018 của Toà án nhân dân huyện Ba Tri.

Cụ thể tuyên:

Áp dụng Điều 471, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị C. Buộc ông Vi Hoàng O và bà Trần Thị Trúc L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị C số tiền là 90.929.167đ (chín mươi triệu chín trăm hai mươi chín ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng), (trong đó tiền vốn 78.500.000 đồng vốn và tiền lãi 12.429.167 đồng).

Ghi nhận bà Huỳnh Thị C tự nguyện cho vợ chồng ông Vi Hoàng O – bà Trần Thị Trúc L thời gian 03 tháng trả nợ là vào ngày 25/01/2019 ông Vi Hoàng O – bà Trần Thị Trúc L phải trả số tiền 90.929.167đ (chín mươi triệu chín trăm hai mươi chín ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng) cho bà Huỳnh Thị C.

Ghi nhận bà Huỳnh Thị C không yêu cầu tính lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

2. *Về chi phí giám định:* Chi phí giám định 2.850.000đ (Hai triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C được chấp nhận nên ông O phải chịu chi phí trên, ông O có nghĩa vụ trả lại số tiền 2.850.000 đồng cho bà C.

3. *Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:* Ông Vi Hoàng O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.546.458đ (Bốn triệu năm trăm bốn mươi sáu ngàn bốn trăm năm mươi tám đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.638.000đ (Hai triệu sáu trăm ba tám ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016006 ngày 10/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vi Hoàng O phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0020082 ngày 06/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre(1b);
- TAND huyện Ba Tri (1b);
- Chi cục THADS huyện Ba Tri (1b);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp(3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hồ Thị Thanh Thúy

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre(1b);
- TAND huyện Giồng Trôm (1b);
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm (1b);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp(3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Tư